

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/ HAMC/ 2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hoàng Anh Maca

Địa chỉ: Thôn Ka Rái, Xã Ka Đơn, Đơn Dương, Lâm Đồng

Điện thoại: 0974.813.668

E-mail: nguyenhoanganh7749@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 5801270293

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 số : 201586.FMS.CN20

Ngày Cấp : 16 tháng 07 năm 2020

Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mắc ca tằm vị Socola

2. Thành phần: Hạt Mắc Ca 80%, socola 20%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì trực tiếp : Túi chân hút chân không PP, hũ nhựa thực phẩm....

Phù hợp tiêu chuẩn của Bộ Y Tế về bao gói thực phẩm.



- Quy cách đóng gói : Đóng túi hút chân không 100g, 200g, 500, đóng hộp 150g, hũ nhựa 300g,

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm : Xưởng sản xuất công ty TNHH Hoàng Anh Maca tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- QCVN 8-1:2011/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm.
- QCVN 8-2:2011/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT : Quy định giới hạn ô nhiễm vi sinh vật.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT : Quy định giới hạn tối đa về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Hoàng Anh

127
ÔN
TN
ÀN
MA
T.

Bảng thông tin chi tiết sản phẩm

1. Chỉ tiêu giới hạn độc tố vi nấm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa theo QCVN 8-1:2011/BYT	Kết quả trên sản phẩm
1	TS BT Nấm men, nấm mốc	µg/kg	10	Không phát hiện

2. Chỉ tiêu giới hạn ô nhiễm kim loại nặng.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa theo QCVN 8-2:2011/BYT	Kết quả trên sản phẩm
1	Asen (As)	mg/kg	0.05	Không phát hiện
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.05	Không phát hiện

3. Chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh vật.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT	Kết quả trên sản phẩm
1	TSVSVHK	CFU/g	10^4	3.9×10^2
2	<i>Coliforms</i>	MPN/g	10	Không phát hiện
3	<i>E.coli</i>	MPN/g	Không phát hiện	Không phát hiện
4	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10	Không phát hiện
5	<i>B.cereus</i>	MPN/g	10^2	Không phát hiện
6	TSBTNM-M	CFU/g	10^2	Không phát hiện

93 -
ĐY
IH
AN
A
LÀM

4. Chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa theo thông tư 50/2016/TT-BYT	Kết quả trên sản phẩm
1	Cypermethrin	Mg/kg	0.3	Không phát hiện
2	Deltamethrin	Mg/kg	2	Không phát hiện

Công ty TNHH Hoàng Anh Maca

Giám Đốc



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang 01/01

Số : 210912/1/0518-02

- 1 Đơn vị (người) gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH MACCA**
2 Địa chỉ : **Thôn Ka Rái 2, xã Ka Đơn, Đơn Dương, Lâm Đồng**
3 Tên mẫu/kí hiệu mẫu : **MACCA TÂM VỊ SOCOLA**
4 Khối lượng mẫu : **0,2 kg** 5. Số lượng: **01**
6 Mô tả mẫu :
7 Ngày nhận mẫu : **12/9/2022** 8. Ngày trả kết quả : **19/9/2022**
9 Kết quả thử nghiệm : **Tính trên trọng lượng thực tế**

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	Đường tổng	%	5,1	TCVN 378:1986
2	Protein	%	11,5	AOAC 968 - 28
3	Chất béo	%	70,3	TCVN 6555:2011
4	Carbohydrate	%	8,6	AOAC 968 - 28
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	$3,9 \times 10^2$	TCVN 4884-1:2015
6	Coliform*	CFU/g	KPH (LOQ=10)	TCVN 6848:2007
7	E.Coli*	CFU/g	KPH (LOQ=10)	TCVN 7924-2 : 2008
8	Cl.Perfringens	CFU/g	KPH (LOQ=10)	TCVN 4991:1989
9	Bacillus cereus	CFU/g	KPH (LOQ=10)	TCVN 4992:1989
10	TS BT Nấm men, nấm mốc	CFU/g	KPH (LOQ=10)	TCVN 8275-2:2010
11	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOQ=0,1)	HPLC
12	Aflatoxin tổng (B1,B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOQ=0,1)	HPLC
13	As*	mg/kg	KPH (LOQ=0,02)	TCVN 7770:2077
14	Pb*	mg/kg	KPH(LOQ=0,04)	AOAC 999.11
15	Dư lượng TBVTV			
	Cypermethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	QTTTPT -13 (2020) Ref. EURL- FV (2010 -M4)
	Chlorothanolin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Chlorpyrifos*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Deltamethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Difenoconazole*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Fenvalerate*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Hexaconazole*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Methidathion	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Endosulfan	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	

Giám đốc
Trung tâm Phân tích

Nguyễn Giảng

Nguyễn Giảng



P. Viện trưởng
Viện nghiên cứu hạt nhân

Nguyễn Xuân Hải

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH - không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017
BM 7.8.01- phiếu kết quả thử nghiệm - ban hành lần 1